

Số: 31/KH - THCS

Tây Hưng, ngày 07 tháng 9 năm 2023

KẾ HOẠCH
Dự toán thu chi tài chính năm học 2023-2024

Căn cứ Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công khai ngân sách; Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng bộ giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Điều lệ Ban đại diện Cha mẹ học sinh;

Căn cứ Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng và Hướng dẫn số 146/SGD&ĐT –TTr ngày 14/2/2017 của sở GD&ĐT Hải Phòng về dạy thêm học thêm;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Kế hoạch số 215/KH-UBND ngày 09/9/2022 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của liên Sở GD&ĐT, Sở Tài chính hướng dẫn Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Hướng dẫn số 56/HDLN-HKH-SGD&ĐT ngày 01/12/2016 về hướng dẫn liên ngành công tác khuyến học trong nhà trường;

Căn cứ công văn số 783/SGDĐT-KHTC ngày 19/09/2013 của SGD&ĐT về hướng dẫn thực hiện Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh, quản lý và sử dụng các khoản đóng góp tự nguyện của học sinh;

Căn cứ Công văn số/UBND-GDĐT ngày .../9/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tiên Lãng về việc thực hiện các khoản thu năm học 2023 - 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 96/KH -LN ngày 24/9/2020 của Huyện đoàn và Phòng GDĐT Tiên Lãng về xây dựng quỹ Vòng tay bè bạn trong trường học giai đoạn 2020-2023;

Công văn số 1741/BHXH-QLTST ngày 19/7/2023 của Bảo hiểm xã hội Thành phố Hải Phòng về việc hướng dẫn công tác thu bảo hiểm Y tế học sinh năm học 2023-2024;

Căn cứ nghị quyết Cấp ủy Chi bộ, và nghị quyết Hội đồng trường THCS Đông Tây Hưng;

Căn cứ biên bản họp Ban đại diện CMHS đầu năm học 2023-2024;

Trường THCS Đông Tây Hưng kế hoạch thu chi tài chính trong năm học 2023-2024 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Cơ sở vật chất

- Khu hiệu bộ có cơ sở vật chất tương đối đầy đủ.
- Có đủ các phòng học và bàn ghế chuẩn phục vụ việc dạy và học.

2. Tổ chức bộ máy

a) Số CBGVNV:

- Biên chế, hợp đồng 102, 111: 41
- Số giáo viên trực tiếp dạy: 33 đ/c.

b) Học sinh

- Tổng số lớp: 20 lớp
- Tổng số HS: 751 em

Trong đó:

- | | |
|---------------------------|---------------------------|
| + Khối 6: 06 lớp = 216 em | + Khối 7: 05 lớp = 206 em |
| + Khối 8: 05 lớp = 175 em | + Khối 9: 04 lớp = 154 em |

II. CÁC KHOẢN THU – CHI NĂM HỌC 2023-2024

1. Học phí:

Nhà trường không thu. Thành phố hỗ trợ theo NQ số 54/2019/NQ-HĐND ngày 19/12/2019, PHHS hoàn thiện hồ sơ nộp theo quy định.

2. Vòng tay bè bạn: (40.000đ/học sinh/năm học.)

Thực hiện theo Kế hoạch số 96/KH-LN ngày 24/9/2020 của Huyện Đoàn- Phòng GD&ĐT Tiên Lãng, liên đội xây dựng kế hoạch quyên góp giấy vụn, phế liệu, vỏ chai nước, vỏ lon nước phân loại để bán tạo nguồn kinh phí hoạt động Đội, mỗi đội viên, thiếu nhi tiết kiệm ít nhất 4.000 đ/tháng, phấn đấu tiết kiệm khoảng 40.000đ/hs/năm học. Cấp liên đội giữ lại 75% để xây dựng quỹ liên đội, trích nộp cấp huyện 12,5% để xây dựng quỹ cấp huyện, cấp thành phố 12,5% để xây dựng quỹ vòng tay bè bạn cấp thành phố.

- Năm học 2023 - 2024:

+ Số học sinh: 751

+ Số học sinh diện đối tượng chính sách được miễn, giảm: 51

+ Mức thu: 24 000đ/hs

+ Dự kiến thu: 700 em * 40.000đ = 28.000.000 đồng

- **Tổng số dự kiến thu năm học 2023 – 2024: 28.000.000 đồng**

- **Tổng số dự kiến chi năm học 2023 – 2024: 28.000.000 đồng**

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn tổng phụ trách đội, cán bộ Đội, cán bộ Hội, phụ trách sao nhi đồng, trang bị tài liệu phục vụ hoạt động nghiệp vụ của đội;

- Chi các hoạt động, phong trào, chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác Đội và phong trào thanh thiếu nhi như 26/3, 22/12..., chuyên đề công tác đội cấp huyện, cấp thành phố, chi thuê trang phục cho học sinh biểu diễn văn nghệ các đợt trong năm, chi kinh phí cho hoạt động câu lạc bộ yêu thích môn học, chi mua son phấn trang điểm cho học sinh, chi phí khác.

- Nộp về cấp trên (huyện đoàn)

3. BHYT: (680.400 đồng/học sinh/năm.)

Thực hiện Luật Bảo hiểm y tế (BHYT) và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BHYT; Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Văn bản hợp nhất số 922/VBHN-BHXH ngày 05/4/2023 của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam ban hành Quy trình thu BHXH, BHYT, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN); quản lý sổ BHXH, thẻ BHYT;

Căn cứ Công văn số 1741/BHXH-QLTST ngày 19/07/2023 Của BHXH TP Hải Phòng về việc triển khai công tác thu BHYT học sinh sinh viên năm học 2023-2024;

- Thu bảo hiểm y tế năm 2023:

- + Số học sinh: 751 học sinh
- + Số học sinh diện đối tượng chính sách, con bộ đội không phải mua: 24 thẻ.
- + Mức thu: 680.400 đồng/học sinh/năm.
- + **Dự kiến thu: 494.650.800 đồng.**
- + **Dự kiến chi: Chi trả 100% cho BHXH huyện Tiên Lãng**

4. Kinh phí hỗ trợ hoạt động của BDD CMHS

Kinh phí được trích 30% từ quỹ lớp, BDD CMHS lớp, trường tự đứng ra thu, chi hoạt động theo biên bản họp, sự chỉ đạo của chi hội trường cha mẹ học sinh, hiệu trưởng nhà trường chỉ giám sát.

5. Các khoản thu nếu CMHS có nhu cầu

5.1 Tiền nước uống phục vụ học sinh (10.000 đ/tháng x 10 tháng/năm học = 100.000đ/năm học)

- Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của liên Sở GD&ĐT, Sở Tài chính hướng dẫn Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Hiệu trưởng ký hợp đồng thỏa thuận cung cấp nước sạch với Công ty nước uống sinh thái tinh khiết Đào Tiến đại diện ông Đào Văn Tiến.

+ Mức thu: 10.000 đ/tháng*10T/năm học (*Học sinh diện đối tượng chính sách được miễn, giảm*).

- Năm học 2023 - 2024:

- + Số học sinh: 751 học sinh
- + Số học sinh diện đối tượng chính sách được miễn, giảm: 51
- + Mức thu: 10.000 đ/tháng*5T= 50.000 đ
- + Dự kiến thu năm học 2023-2024: 700 em * 100.000đ = 70.000.000 đ
- + **Dự kiến thu năm học 2023-2024: 70.000.000 đ**
- + **Dự kiến chi năm học 2023-2024: Chi trả 100% cho công ty cung cấp nước sạch với Công ty nước uống sinh thái tinh khiết Đào Tiến**

5.2 Học thêm (7.500đ/tiết x 3 tiết/buổi x 3 buổi/tuần x 4 tuần/tháng = 270.000đ/tháng/HS)

- Thực hiện thu, chi theo Quyết định số 2050/QĐ-UBND ngày 21/11/2012 của UBND thành phố Hải Phòng quy định về dạy thêm học thêm trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Hướng dẫn số 146/SGD&ĐT –TTr ngày 14/2/2017 của Sở GD&ĐT Hải Phòng về dạy thêm học thêm. Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.

- Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của liên Sở GD&ĐT, Sở Tài chính hướng dẫn Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- **Dự thu năm học 2023 – 2024:** 708 hs x 7.500đ/tiết x 3 tiết/buổi x 3 buổi/tuần x 4 tuần/tháng x 9 tháng = 1.720.440.000 đồng (Miễn giảm 48 HS)

- **Dự chi năm học 2023 – 2024:** 1.720.440.000 đồng.

Stt	Nội dung chi	Tỷ lệ	Dự chi
I	Chi trực tiếp cho giáo viên dạy	70%	1.204.308.000
1	Giáo viên dạy;	66%	1.135.490.400
2	Công tác chủ nhiệm lớp;	4%	68.817.600
II	Công tác quản lý	17%	292.474.800
1	Quản lý quỹ tại trường: (BGH, KT, TQ); <u>Trong đó:</u> Hiệu trưởng: Phó hiệu trưởng: Phó hiệu trưởng: Kế toán: Thủ quỹ:	5% 4% 4% 2,5% 1,5%	86.022.000 68.817.600 68.817.600 25.806.600 25.806.600
III	Quỹ phúc lợi	4%	68.817.600
	- Chi Trợ cấp khó khăn đột xuất, hỗ trợ tiền khám chữa bệnh định kỳ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên: Hiệu trưởng ra quyết định dựa trên cơ sở tổ chức công đoàn đề nghị quyết định chi phù hợp với từng hoàn cảnh, đối tượng và phù hợp với điều kiện ngân sách của nhà trường. - Tiền nước uống cho cán bộ giáo viên nhân viên tùy theo điều kiện thực tế của đơn vị.		

	<ul style="list-style-type: none"> - Chi kỷ niệm các ngày lễ lớn, khai giảng năm học, Tết Nguyên đán, ngày nhà giáo Việt Nam 20/11, 8/3, 20/10, 26/3..... mức chi từ 100.000 đến 1.000.000 đồng/người. - Chi chuẩn bị cho các hoạt động ngoại khóa, khánh tiết, khai giảng, trung thu, kỉ niệm ngày 20/11, 8/3, 20/10, 26/3 Hội khỏe phù đồng, khám sức khỏe ... - Chi mua đồng phục, trang phục cho cán bộ, giáo viên, nhân viên mức từ 500.000 đến 1.500.000đ/người. - Chi hỗ trợ các hoạt động văn hoá, thể thao, văn nghệ, giáo dục tuyên truyền các hoạt động, pháp luật, chi hỗ trợ CBGV, NV tham gia cùng học sinh đi trải nghiệm, chi hỗ trợ CBGV, NV tham gia du xuân.... - Chi tiền hoá chất vệ sinh phòng dịch, tiền thuốc y tế, tiền khám bệnh định kì trong cơ quan. - Chi mua sắm trang thiết bị văn hóa, thể dục thể thao phục vụ, tổ chức phong trào cho cán bộ, giáo viên, nhân viên. - Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên tham quan học tập, giao lưu kết nghĩa học tập thực tế (tùy theo số kinh phí nhà trường để hỗ trợ), thưởng khuyến khích con cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt học sinh giỏi, học sinh tiên tiến, thi đấu đại học hàng năm (mức chi từ 50.000đ đến 500.000đ/cháu). - Chi trợ cấp đột xuất cho cán bộ, giáo viên, nhân viên khi gặp khó khăn. - Chi hỗ trợ làm công tác phổ cập giáo dục xóa mù chữ (mức chi từ 50.000đ đến 500.000đ/đợt/người). - Chi hỗ trợ, bồi dưỡng CBGVNV làm thêm giờ: giáo viên dạy thay khi giáo viên đi học tập, công tác đột xuất (mức hỗ trợ không quá 100.000 đ/giờ làm thêm) 		68.817.600
--	---	--	------------

	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia các hoạt động nhân đạo, từ thiện... - Mua dung dịch dưỡng cây: 20.000.000đ/năm. 		
IV	Hỗ trợ cơ sở vật chất	7%	120.430.800
	<ul style="list-style-type: none"> - Chi sửa chữa cửa phòng học, bàn ghế, - Chi bảo trì, sửa chữa thay thế hệ thống máy tính, máy chiếu, ti vi, máy văn phòng; - Chi thuê mướn, dịch vụ; nấu nước, sửa đường điện, sửa chữa quạt điện, sửa chữa đường nước, gắn vá sân trường, nhà xe, cắt tỉa cây cảnh, thuê cắt trang trí khẩu hiệu, chi thuê bạt ngày khai giảng, 20/11, chuyên đề,.... - Chi sửa chữa nhỏ, mua sắm tài sản vật rẻ tiền mau hỏng; (Theo thực tế phát sinh). - Chi bồi dưỡng bảo vệ, CBGV, NV trực ngày Lễ, Tết dương lịch, Tết nguyên đán, Trục hè, Trục phòng chống bão, thiên tai,... mức chi từ 50.000 đến 200.000 đồng/ca/người. - Chi bồi dưỡng lao động, dọn vệ sinh tạo cảnh quan môi trường, ... mức chi từ 100.000 đến 200.000 đồng/buổi/người. 		120.430.800
V	Thuế	2%	34.408.800

5.3 Kỹ năng sống (300.000 đồng/đợt/HS)

- Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của liên Sở GD&ĐT, Sở Tài chính hướng dẫn Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Học phí: 24 tiết/đợt/HS x 10.000đ/tiết/HS=240.000 đồng/đợt/HS

Kinh phí bản quyền phần mềm và học liệu: 60.000 đồng/đợt/HS

+ Dự kiến thu: 300.000 đồng/đợt/HS x 600 HS = 180.000.000 đồng

- Tổng số dự kiến thu năm 2023: 180.000.000 đồng.

- Tổng số dự kiến chi năm 2023: 180.000.000 đồng.

+ Trả công ty 90% tiền học phí và 100% tiền bản quyền = 165.600.000 đ

+ Nhà trường được trích lại 10% tiền học phí = 14.400.000 đ (Nộp thuế 2%: 288.000đ; chi quản lý: $14.112.000/5=2.822.400đ$)

5.4 Tiếng anh có yếu tố người nước ngoài (35.000đ/tiết x 4t/tuần/tháng =140.000đ/tháng/HS).

- Hướng dẫn số 03/HDLS-GDĐT-STC ngày 26/9/2022 của liên Sở GD&ĐT, Sở Tài chính hướng dẫn Kế hoạch triển khai thực hiện NQ số 02/2022/NQ-HĐND về quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- **Dự thu năm học 2023 – 2024:** 600 hs x 35.000đ/tiết x 1 tiết/buổi x 1 buổi/tuần x 4 tuần/tháng x 9 tháng = 756.000.000 đồng

- **Dự chi năm học 2023 – 2024:** 756.000.000 đồng.

+ Trả công ty 85% = 642.600.000 đ

+ Nhà trường được trích lại 15% = 113.400.000 đ (Nộp thuế 2%: 2.268.000đ; GVCN 4%: 4.536.000; PL 40%: 45.360.000; QL 54%: $61.236.000/5=12.247.200$)

5.5 . Trông xe (25.000đ/xe/tháng).

- Căn cứ Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

- **Dự thu năm học 2023 – 2024:** 450 xe x 25.000 x 9 tháng = 101.250.000 đồng.

- **Dự chi năm học 2023 – 2024:** 101.250.000 đồng

+ Chi trả cho bảo vệ trông coi xe 40%: 40.500.000 đồng.

+ Bồi dưỡng công tác thu: 3%: 3.037.500 đồng.

+ Phúc lợi 10%: 10.125.000đ.

+ Công tác quản lý: 17%: 17.212.500 đồng.

- Hiệu trưởng: 5%: 5.062.500 đồng.

- 2 Phó hiệu trưởng, Kế toán, Thủ quỹ: 3%/đ/c: 3.037.500 đồng/đ/c.

+ Hỗ trợ cơ sở vật chất: 20%: 20.250.000 đồng.

+ Chi nộp thuế theo quy định của nhà nước (Thuế GTGT và TNDN): 10%: 10.125.000 đồng.

5.6 Học sinh đi trải nghiệm thực tế

- PHHS chọn địa điểm cho hs đi trải nghiệm trong báo giá hồ sơ trải nghiệm của công ty..... và thanh toán 100% cho công ty.

6. Chi hội trưởng lớp thu chi (nếu PHHS có nhu cầu)

6.1 Tiền quần áo mùa hè, mùa đông, quần áo thể thao

Nhà trường không tổ chức may đồng phục cho học sinh. Phụ huynh có nhu cầu may đồng phục cho học sinh thì chi hội trưởng của lớp sẽ tổng hợp nhu cầu, lựa chọn chất liệu, nhà may, làm danh sách, báo giá, hợp đồng, hoá đơn, thanh lý và tự lưu trữ hồ sơ, hiệu trưởng nhà trường chỉ giám sát.

Hội dự kiến thu đồng phục hè, bộ thể thao tháng 11/2023, đồng phục đông tháng 1/2024.

Khối	Áo hè ngắn tay	Áo hè dài tay	Quần dài	Bộ Thể thao	Áo đông	Ghi chú
Khối 6	115.000đ	120.000đ	175.000đ	225.000đ	220.000đ	
Khối 7	120.000đ	125.000đ	180.000đ	230.000đ	230.000đ	
Khối 8	125.000đ	130.000đ	185.000đ	235.000đ	235.000đ	
Khối 9	130.000đ	135.000đ	190.000đ	240.000đ	240.000đ	
Chất liệu	Vải thô Nhật loại I		Vải mưa co dãn tím than	Áo màu đỏ, quần chéo tím than co dãn	Áo trần lông hóa học	

6.2 Tiền vở, sách giáo khoa

Hội dự kiến thu Tiền vở, sách giáo khoa tháng 12/2023

Vở kẻ ngang 72 trang(7.000đ/quyển)	Vở kẻ ngang 80 trang (7.700đ/quyển)	Vở kẻ ngang 200 trang(17.000đ/quyển)
---	--	---

Nhà trường không tổ chức mua vở, sách giáo khoa cho học sinh. Phụ huynh có nhu cầu mua vở, sách giáo khoa cho học sinh thì chi hội trưởng của lớp sẽ tổng hợp nhu cầu, lựa chọn nhà cung cấp, làm danh sách, báo giá, hợp đồng, hoá đơn, thanh lý và tự lưu trữ hồ sơ, hiệu trưởng nhà trường chỉ giám sát.

6.3 Tiền bảo hiểm thân thể(Bảo Việt)

Hội dự kiến thu bảo hiểm thân thể tháng 09/2023 (150.000đ/hs/thể)

Nhà trường không tổ chức mua bảo hiểm thân thể cho học sinh. Phụ huynh có nhu cầu mua bảo hiểm thân thể cho học sinh thì chi hội trưởng của lớp sẽ tổng hợp nhu cầu, lựa chọn gói bảo hiểm thân thể, công ty bảo việt, làm danh sách, báo giá, hợp đồng, thanh lý và tự lưu trữ hồ sơ, hiệu trưởng nhà trường chỉ giám sát.

III. DỰ KIẾN CÁC ĐỢT THU TRONG NĂM HỌC 2023 – 2024:

Khi thực hiện thu nhà trường thống nhất với PHHS chia làm các đợt cụ thể như sau:

a. Dự kiến thu đợt 1 trong tháng 9/2023

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	KNS (đối với HS đăng ký)	300.000	300.000	300.000	300.000
2	Thu tiền vé xe tháng 8 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000

b. Dự kiến thu đợt 2 trong tháng 10/2023

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	BHYT	680.400	680.400	680.400	680.400
2	Tiền mua nước uống kỳ I (đối với HS đăng ký)	45.000	45.000	45.000	45.000
3	Học thêm T9 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
4	Thu tiền vé xe tháng 9 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
5	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 9 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

c. Dự kiến thu đợt 3 trong tháng 11/2023

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T10 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 10 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
3	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 10 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

d. Dự kiến thu đợt 4 trong tháng 12/2023

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Quỹ vòng tay bè bạn	40.000	40.000	40.000	40.000

2	Học thêm T11 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
3	Thu tiền vé xe tháng 11 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
4	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 11 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

e. Dự kiến thu đợt 5 trong tháng 01/2024

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T12 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 12 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
3	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 12 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

g. Dự kiến thu đợt 6 trong tháng 02/2023

ST T	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Nước uống kỳ 2	45.000	45.000	45.000	45.000
2	Học thêm T1 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
3	Thu tiền vé xe tháng 1 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
4	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 1 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

h. Dự kiến thu đợt 7 trong tháng 3/2024

ST T	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T2 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 2 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000

3	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 2 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ
---	---	----------	----------	----------	----------

i. Dự kiến thu đợt 8 trong tháng 4/2024

ST T	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T3 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 3 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
3	Thu tiền HĐTNHN (Theo hợp đồng nhà cung cấp dịch vụ)				
4	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 3 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

k. Dự kiến thu đợt 9 trong tháng 5/2024

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T4 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 4 (đối với HS đăng ký)	25.000	25.000	25.0000	25.000
4	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 4 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ

l. Dự kiến thu đợt 10 trong tháng 6/2024

STT	Nội dung thu	Khối 6	Khối 7	Khối 8	Khối 9
1	Học thêm T5 (đối với HS đăng ký)	270.000	270.000	270.000	270.000
2	Thu tiền vé xe tháng 5 (đối với HS đăng ký gửi xe)	25.000	25.000	25.0000	25.000
3	KNS (đối với HS đăng ký KNS hè)	300.000	300.000	300.000	300.000

4	T. Anh yếu tố người nước ngoài tháng 5 (đối với HS đăng ký)	140.000đ	140.000đ	140.000đ	140.000đ
---	---	----------	----------	----------	----------

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Căn cứ kế hoạch tài chính năm học, các bộ phận phụ trách cơ sở vật chất, chuyên môn có trách nhiệm lập kế hoạch cụ thể việc mua sắm, sửa chữa cơ sở vật chất; kế hoạch mua sắm bổ sung tài liệu chuyên môn, kế hoạch bồi dưỡng học sinh giỏi... để phân phối nguồn chi đảm bảo việc thu, chi đạt hiệu quả thiết thực, tiết kiệm, tránh lãng phí.

Việc thu, chi được thanh quyết toán và công khai hàng tháng trên bảng tin của nhà trường theo đúng quy định của Thông tư 36/2017/TT-BGD&ĐT.

*. Phân công nhiệm vụ các cá nhân, bộ phận:

- Giáo viên chủ nhiệm các lớp: Có trách nhiệm triển khai thu các khoản đóng góp, vận động làm kế hoạch nhỏ của học sinh theo đúng mức thu và thời gian phân chia thu theo quy định, lập danh sách thu theo đúng mẫu.

- Bộ phận kế toán tài vụ: Có trách nhiệm lập các biểu mẫu thu, chi; tổng hợp số liệu; lập hồ sơ hoạch toán trong sổ sách kế toán và thanh quyết toán hàng tháng, quý; tham mưu cho Hiệu trưởng về các hạng mục chi, định mức chi để đảm bảo theo đúng quy định của công tác tài chính hiện hành.

- Hiệu trưởng: Triển khai, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thu, chi của giáo viên chủ nhiệm các lớp, bộ phận kế toán tài vụ; duyệt chi; duyệt các báo cáo tổng hợp số liệu, báo cáo quyết toán; xử lý các cá nhân vi phạm trong công tác tài chính.

Trên đây là kế hoạch dự toán thu chi tài chính năm học 2023-2024 được triển khai bàn bạc trước toàn thể phụ huynh học sinh và niêm yết công khai trước cuộc họp cha mẹ học sinh để lấy ý kiến thống nhất sau đó triển khai từ cuối tháng 9 năm 2023.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT, TC-KH; (Để báo cáo);
- UBND xã Tây Hưng, Đông Hưng; (Để báo cáo);
- Ban đại diện CMHS (Để phối hợp);
- Ban giám hiệu (Để chỉ đạo và theo dõi);
- Ban TTND (để giám sát);
- Kế toán, GVCN lớp (Để thực hiện);
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Vũ Văn Tiến